

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2025

V/v “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm
2. Ông Lê Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 660/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị B**, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Võ Văn P**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt đầy đủ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: chị Phạm Thị B và ông Võ Văn P qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số 070/2015, quyển số 01/2015 cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015. Chị B và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sống với nhau có hạnh phúc được thời gian đầu và sinh được 02 đứa con. Cuộc sống hôn nhân vẫn có mâu thuẫn nhưng cố gắng dung hòa để sống với

nhau. Thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cả hai không thể ngồi lại nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn. Chị B thừa nhận không còn tình cảm với anh P, không muốn tiếp tục chung sống với anh P. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn anh Võ Văn P.

- Về con chung: chị B và anh P có 02 con chung, tên Võ Thị Bích T, sinh ngày 05/01/2016 và Võ Phúc L, sinh ngày 13/11/2021. Hiện nay, con chung đang sống với anh P. Khi ly hôn, chị B đồng ý giao 02 con chung tên Võ Thị Bích T, sinh ngày 05/01/2016 và Võ Phúc L, sinh ngày 13/11/2021 để anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: anh P thống nhất vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị B. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Anh P thừa nhận không còn tình cảm với chị B nên anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B.

- Về con chung: chị B và anh P có 02 con chung, tên là Võ Thị Bích T, sinh ngày 05/01/2016 và Võ Phúc L, sinh ngày 13/11/2021. Hiện nay các con đang sống với anh P. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được nuôi con chung Võ Thị Bích T và Võ Phúc L, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- CCCD Phạm Thị B (bản photo);

- Giấy khai sinh Võ Phúc L, Võ Thị Bích T (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn chị Phạm Thị B và anh Võ Văn P (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị B về việc yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn P, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã B, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị B và anh P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C vào ngày 12 tháng 6 năm 2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị B yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc. Hai bên đã cho nhau nhiều cơ hội và thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại phiên tòa anh P thừa nhận về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng, nay anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Như vậy, có căn cứ nhận định mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị B trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

- Về con chung: Chị B với anh P thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Bích T, sinh ngày 05/01/2016 và Võ Phúc L, sinh ngày 13/11/2021. Khi ly hôn chị B thống nhất giao các con chung Võ Thị Bích T và Võ Phúc L cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay các con chung đang sống với anh P phát triển và được chăm sóc tốt. Tại phiên tòa anh P và chị B đã thống nhất được việc nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung này. Do đó anh Võ Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Bích T, sinh ngày 05/01/2016 và Võ Phúc L, sinh ngày 13/11/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không có yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Do đó chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không có yêu cầu.

Chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: chị B và anh P trình bày có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: chị B và anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai số 0009132, ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích .

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Võ Văn P.

- Về con chung: Anh Võ Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Thị Bích T, sinh ngày 05/01/2016 và Võ Phúc L, sinh ngày 13/11/2021. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P không có yêu cầu.

Chị Phạm Thị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai số 0009132, ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhã Uyên